

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 19/2024/DS-ST

Ngày: 26-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thanh Thùy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký TAND thành phố Sa Đéc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2023/TLST-DS ngày 28/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS ngày 27/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-DS ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Á (A)**;

Trụ sở: 442, **N, Phường E, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh**.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Từ Tiến P** – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Phạm Minh T** – Chức vụ: Nhân viên

Địa chỉ: **Lầu H, Tòa nhà A, 444A- 446 C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh** (Văn bản uỷ quyền ngày 23/5/2023)

Bị đơn: Bà **Thạch Thị B**, sinh năm 1981

Địa chỉ: **Số A, Khóm B, Phường D, thành phố S, Đồng Tháp**.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **T** có mặt;

- Bị đơn bà **Thạch Thị B** vắng mặt, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng, ông **Phạm Minh T** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Á** trình bày:***

Ngày 01/02/2018, Bà **Thạch Thị B** có ký hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SDE.CN.40010218 với **Ngân hàng TMCP Á – chi nhánh Đ** (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền vốn là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng), vay tín chấp, thời hạn vay là 60 tháng (tương đương 60 kỳ) thỏa thuận lãi suất trong hạn tính theo dư nợ vay ban đầu: 7,5%/ năm (LS1), lãi suất tính theo dư nợ cho vay thực tế: 14,75%/năm (LS2); lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (LS2); lãi phạt chậm trả 10%/năm. Mỗi tháng bà **B** phải trả cho Ngân hàng số tiền là 1.375.000đ vào đúng ngày 15 của tháng cho đến khi hết hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên từ ngày 01/3/2018, mục đích vay để tiêu dùng, khi vay không có thế chấp tài sản.

Từ khi vay đến ngày 15/3/2019 bà **B** trả được 14 kỳ - thanh toán được số tiền, tổng cộng: 19.251.096đ, trong đó vốn vay: 14.000.000đ; lãi: 5.250.00đ, phạt chậm trả: 1.096đ. Từ ngày 16/3/2019 bà **B** ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn, lãi cho đến nay. Mặc dù Ngân hàng đã thông báo đề yêu cầu bà **B** thanh toán nợ nhưng bà **B** vẫn không thực hiện trả vốn, lãi theo thỏa thuận như vậy bà **B** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Do đó, ngày 18/9/2019, Ngân hàng quyết định chấm dứt cho vay và ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với bà **B**.

Tạm tính đến ngày 15/5/2023, bà **Thạch Thị B** còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ vốn: 46.000.000đồng
- Lãi trong hạn: 2.497.984đồng
- Lãi quá hạn: 36.441.188đồng
- Phí chậm trả lãi: 5.508.349 đồng,
- Tổng cộng: 90.447.521đồng.

Nay **Ngân hàng TMCP Á1 CHÂU** yêu cầu bà **Thạch Thị B** trả cho Ngân hàng số tiền là 90.447.521đồng (trong đó gồm nợ vốn: 46.000.000đồng, lãi tạm tính đến ngày 15/5/2023: lãi trong hạn 2.497.984đồng, lãi quá hạn: 36.441.188đồng, phí chậm trả lãi: 5.508.349 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ sau ngày 15/5/2023. Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

*\* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn bà **Thạch Thị B** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng hợp lệ về việc Tòa án thụ lý vụ án nhưng bà **B** không có văn bản nêu ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ gì trong quá trình giải quyết vụ án và không đến Tòa án để làm việc.*

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bà **B** không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà **Thạch Thị B** trả cho Ngân hàng số tiền là 90.447.521 đồng (trong đó gồm nợ vốn: 46.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 15/5/2023: lãi trong hạn 2.497.984 đồng, lãi quá hạn: 36.441.188 đồng, phí chậm trả lãi: 5.508.349 đồng), lãi phát sinh kể từ sau ngày 15/5/2023.

Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật (có bài phát biểu kèm theo).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ vay, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Bị đơn có nơi cư trú: **Số A, Khóm B, Phường D, thành phố S, Đồng Tháp**. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn bà **Thạch Thị B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Á** yêu cầu bà **Thạch Thị B** trả cho Ngân hàng số tiền vay là 90.447.521 đồng (trong đó gồm nợ vốn: 46.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 15/5/2023: lãi trong hạn 2.497.984 đồng, lãi quá hạn: 36.441.188 đồng, phí chậm trả lãi: 5.508.349 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ sau ngày 15/5/2023 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng. HĐXX nhận định như sau:

[2.1]. Về xác lập Hợp đồng và nợ gốc:

[2.1.1]. Xét thấy việc ký kết Hợp đồng cấp tín dụng trả góp (Dùng cho vay tiêu dùng tín chấp - VND) số: SDE.CN.40.010218 ngày 01/02/2018 giữa bà **Thạch Thị B** và **Ngân hàng TMCP Á** là hoàn toàn tự nguyện. Trình tự thủ tục và nội dung xác lập hợp đồng giữa hai bên phù hợp với quy định pháp luật, phía bà **B** đã nhận

đủ khoản vay 60.000.000đ nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B chỉ thanh toán được 14 kỳ, tổng cộng: 19.251.096đ, trong đó vốn vay: 14.000.000đ; lãi: 5.250.00đ, phạt chậm trả: 1.096đ. Từ ngày 16/3/2019 bà B ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn, lãi cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 4, Điều 5 của Hợp đồng tín dụng đã được bà B và Ngân hàng ký kết.

[2.1.2]. Về nghĩa vụ chứng minh: Tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

*“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,...*

*2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó...”*. Theo đó, từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, bà B không nộp văn bản ghi ý kiến và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Đối chiếu quy định đã viện dẫn, Hội đồng xét xử công nhận chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp. Từ đó, đủ cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng và bà **Thạch Thị B** có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung các Hợp đồng đã ký kết.

[2.1.3]. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

*"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;..."*.

Như vậy, đối chiếu quy định nêu trên và nội dung Hợp đồng đã ký kết, việc Ngân hàng yêu cầu bà B trả tiền vốn vay là 46.000.000đồng có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2]. Về nợ lãi, các khoản phí:

[2.2.1]. Đối với khoản vay tín chấp, hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn tính theo dư nợ vay ban đầu: 7,5%/ năm (LS1), lãi suất tính theo dư nợ cho vay thực tế: 14,75%/năm (LS2); lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (LS2); lãi phạt chậm trả 10%/ năm và các khoản phí.

[2.2.2]. Như vậy, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, nợ quá hạn, các khoản phí. Căn cứ Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, HĐXX xét thấy: Sự thỏa thuận giữa các bên về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu bà B trả lãi tạm tính đến ngày 15/5/2023 tổng cộng là 44.447.521đồng trong đó: lãi trong hạn 2.497.984đồng, lãi quá hạn: 36.441.188đồng, phí chậm trả lãi: 5.508.349 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/5/2023 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Mặt khác, quá trình thực hiện các Hợp đồng, bà **Thạch Thị B** bỏ địa phương đi đâu, làm gì không rõ tin tức nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm thỏa thuận các Hợp đồng đã ký kết. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao: “*Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch dân sự, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung*”.

[2.4]. Từ những nhận định như trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng tình tiết nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **B** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Á**.

Buộc bà **Thạch Thị B** trả cho **Ngân hàng TMCP Á** số tiền nợ vốn: 46.000.000đồng; lãi, phí tạm tính đến ngày 15/5/2023: lãi trong hạn 2.497.984đồng, lãi quá hạn: 36.441.188đồng, phí chậm trả lãi: 5.508.349 đồng, tổng cộng 90.447.521đồng (Chín mươi triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm hai mươi một đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 16/5/2023, bà **Thạch Thị B** còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong

Hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng TMCP Á** thì lãi suất mà bà **B** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Ngân hàng TMCP Á**.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà **Thạch Thị B** chịu 4.522.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP Á** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.261.000 đồng theo biên lai số 0003893 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Sa Đéc;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- **Chi cục THA dân sự T**;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Võ Thanh Thùy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Sa Đéc;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THA dân sự Tp. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Võ Thanh Thùy**